

Số: /QĐ-BQLDA Ninh Thuận, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2023
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 57a/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 30/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Thông báo số 4371/TB-STC của Sở Tài chính, về việc thông báo Xét duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận (*Theo biểu số 4 đính kèm Quyết định này*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Công khai tại CQ và trang web;
- BQL (LĐ, KT, VT).

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Tân

QUYẾT TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLDA ngày tháng 10 năm 2024
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông)

Stt	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán nguồn thu quản lý dự án				
I	Tổng số	6.299.066.201	6.299.066.201	-	
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	900.000.000	900.000.000	-	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	5.399.066.201	5.399.066.201	-	
3	Dự toán được bổ sung trong năm	-	-	-	
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	-	-	-	
5	Nguồn thu hợp pháp khác	-	-	-	
II	Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	60.295.760	60.295.760	-	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B	6.238.770.441	6.238.770.441	-	
B	Quyết toán chi quản lý			-	
I	Chi thường xuyên	3.778.108.633	3.778.108.633	-	
1	Tiền lương	2.122.589.767	2.122.589.767	-	
2	Tiền công	89.400.000	89.400.000	-	

Stt	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị (nếu có)
3	Các khoản phụ cấp lương	92.778.000	92.778.000	-	
4	Các khoản trích nộp theo lương	501.287.581	501.287.581	-	
5	Chi phí thuê chuyên gia	85.000.000	85.000.000	-	
6	Chi khen thưởng và phúc lợi tập thể	-	-	-	
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	231.166.813	231.166.813	-	
8	Chi mua vật tư văn phòng	25.522.088	25.522.088	-	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	71.193.608	71.193.608	-	
10	Chi hội nghị	1.120.000	1.120.000	-	
11	Chi công tác phí	441.056.396	441.056.396	-	
12	Chi thuê mướn	41.600.000	41.600.000	-	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	-	-	-	
14	Chi đoàn vào	-	-	-	
15	Khấu hao tài sản cố định	-	-	-	
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	28.757.000	28.757.000	-	
17	Chi phí khác	46.637.380	46.637.380	-	
II	Chi không thường xuyên	-	-	-	
III	Trích lập các quỹ	2.460.661.808	2.460.661.808	-	